

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HS-ST

Ngày 14 - 03 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Hồng Hải**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Kim Liên**.

2. Bà **Nguyễn Thị Tịnh Tâm**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Bá Hùng Tâm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Ngô Thị Hoài Giang** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 14 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 226/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2021 và các Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị cáo:

N.Q.N; sinh ngày 12 tháng 6 năm 1983 tại tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký thường trú: 42 ấp T.L, xã B.Đ, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 32/11 ấp T.L, xã B.Đ, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: kinh doanh tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N.Q.K và bà N.T.T; bị cáo có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 12/3/2021. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

- Bị hại: Bà T.T.H, sinh năm 1984. (có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án)

Địa chỉ: 36 B.B.T.T, phường S.K, quận T.P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người làm chứng: Ông **N.Đ.T**, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Địa chỉ: 12/3 ấp T.L, xã B.Đ, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

N.Q.N và T.T.H là vợ chồng nhưng đã ly thân từ năm 2019. Bà Huệ hiện thuê nhà ở riêng tại địa chỉ: 30/17 T.Q, phường T.Q, quận T.P, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 14/11/2020, bà H đang ngồi uống nước tại quán cà phê HL thuộc ấp T.L, xã B.Đ, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh thì N cùng với N.S.Đ đến quán và yêu cầu bà H về nhà nói chuyện nhưng bà H không đồng ý. N dùng tay đánh vào đầu bà H nhiều cái rồi kéo tay bà H bắt lên xe, bà H chống trả quyết liệt nhưng do phụ nữ sức yếu nên vẫn bị N không chế lên xe để Đ chở bà H ngồi ở giữa, N ngồi phía sau giữ chặt về địa chỉ: 32/11 ấp T.L, xã B.Đ, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, N kéo bà H vào nhà và khóa cửa không cho bà H bỏ chạy, N dùng tay đánh nhiều cái vào vùng đầu, mặt rồi kéo bà H vào phòng ngủ, dùng dây thắt lưng đang treo trên móc quần áo đánh liên tiếp vào chân của bà H gây thương tích. Bà H kêu cứu thì có ông N.Đ.T là hàng xóm sang can ngăn. Do N khóa cửa ông T không vào được nhưng nghe thấy bà H khóc nên ông T vẫn đứng ngoài cửa, thấy vậy N nhờ ông T đi mua thuốc giảm đau dùm. Khoảng 05 phút sau, N mở cửa để lấy thuốc thì ông T thấy bà H bị thương nên nói N chở bà H đến Bệnh viện X.Á cấp cứu. Sự việc được bà H trình báo Công an xã B.Đ, huyện H.M và bà Huệ có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với hành vi gây thương tích cho mình.

Tại Cơ quan điều tra, N.Q.N thừa nhận có dùng tay, dây thắt lưng đánh vào người của bà T.T.H nhưng không thừa nhận hành vi bắt, giữ bà H.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 1207/TgT.20 ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Trung tâm Pháp y Thành phố Hồ Chí Minh đối với T.T.H như sau:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Đa chấn thương phần mềm đã được điều trị, hiện:

+ Không còn sưng bầm vùng đầu và cẳng tay trái.

Thông tư 22/2019/TT-BYT không quy định tỉ lệ về sưng bầm.

Chấn thương trên nhiều khả năng do vật tày tác động gây ra.

+ Còn:

. Một diện tăng sắc tố vùng mặt ngoài đùi trái kích thước 12x6cm.

. Một diện tăng sắc tố vùng mặt ngoài đùi trái kích thước 6x4,5cm.

. Một diện tăng sắc tố vùng mặt ngoài cẳng chân trái kích thước 4x2cm.

Các chấn thương trên do vật tày tác động gây ra.

. Một sẹo vùng mặt trong cẳng chân phải kích thước 1,3x(0,2-0,6)cm.

Thương tích trên do vật tày có cạnh tác động gây ra.

Có tỉ lệ 01% mỗi vết.

Dây thắt lưng như bản ảnh quý cơ quan cung cấp gây ra được các chấn thương trên, ngoại trừ chấn thương vùng cẳng chân phải.

Tất cả các chấn thương trên không gây nguy hiểm đến tính mạng.

- Hồ sơ bệnh án ghi nhận “đau ngực bụng”, ngoài ra không ghi nhận gì bất thường về lâm sàng và cận lâm sàng vùng ngực bụng. Hiện không còn dấu vết thương tích, tình trạng ổn định.

Không đủ cơ sở xác định có chấn thương ngực bụng hay không.

2. Theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỉ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần:

- Tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 04%.

3. Kết luận khác: Không”. (BL 07-10)

Tại Kết luận giám định số: 2248/C09B ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh:

“Mẫu vật gửi giám định (01 sợi dây thắt lưng màu nâu dài 94cm, bản rộng 02cm, không còn phần đầu dây thắt lưng) nếu tác động lên cơ thể người gây thương tích là hung khí nguy hiểm”. (BL 43)

Tại Kết luận giám định số: 775/KLGD-TT ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh đối với dữ liệu tập video do camera trong quán cà phê H.L ghi nhận: “Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong tập tin”. (BL 47-51)

Tại Bản cáo trạng số: 166/CT-VKS-HS ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo N.Q.N ra trước Tòa án nhân dân huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử về tội “Cố ý gây thương tích”, “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134, khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị hại bà T.T.H trình bày: Bà H trước đây có yêu cầu xử lý bị cáo N.Q.N về hành vi “Cố ý gây thương tích” nhưng quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà H và bị cáo N đã nhiều lần trao đổi, thương lượng, bị cáo N cũng đang hỗ trợ bà H chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, tại phiên tòa hôm nay, bà T.T.H xin rút yêu cầu khởi tố, truy tố, xét xử đối với bị cáo N.Q.N về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không xử lý hình sự đối với hành vi “Cố ý gây thương tích” của bị cáo N đối với bà H.

Về hành vi bắt, giữ bà H trái pháp luật của bị cáo N, bà H xác định đã được bị cáo bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, ngoài ra bị cáo cũng là cha của con bà H. Do đó, bà H đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo N được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo cùng bà H chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

- Bị cáo N.Q.N khai nhận vào ngày 14/11/2020, khi bà T.T.H đang ngồi uống nước tại quán cà phê H.L trên địa bàn ấp T.L, xã B.Đ, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị cáo cùng với N.S.Đ đến quán thấy bà H, nên bị cáo mới yêu cầu bà H về nhà nói chuyện nhưng bà H không đồng ý. Bị cáo N dùng tay đánh vào đầu bà H nhiều cái, kéo tay bà H rồi bắt, bế lên xe để Đ chở bà H ngồi ở giữa. Bị cáo xác định việc bị cáo nhờ Đ chở bị cáo với bà H về nhà của bị cáo

là vì bị cáo phải ôm giữ bà H phía sau. Bị cáo và Đ không có bàn bạc gì và hứa hẹn trước việc sẽ bắt bà H. Việc bắt bà H lên xe cho Đ chở về nhà là hành vi bóc lột, bị cáo không hiểu biết về pháp luật, không nghĩ rằng hành vi cưỡng ép chở vợ về của bị cáo là vi phạm pháp luật nên mới phạm tội. Còn Đ hoàn toàn không biết việc bị cáo định làm nên đề nghị Tòa án không xem xét và hiện nay bị cáo cũng không biết Đ đang ở đâu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Xét thấy việc bị hại bà T.T.H rút yêu cầu khởi tố, truy tố, xét xử đối với bị cáo N.Q.N về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, cưỡng bức. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M căn cứ khoản 2 Điều 155 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 rút một phần quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử vụ án đối với bị cáo N.Q.N về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với hành vi “Bắt, giữ người trái pháp luật” của bị cáo N.Q.N, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo N từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Đối với hành vi của N.S.Đ có dấu hiệu của tội “Bắt người trái pháp luật”, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã xác minh nhân thân lai lịch, tuy nhiên Đ đã bỏ trốn khỏi địa phương. Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm đối với Đ, khi nào bắt được sẽ đề nghị xử lý sau.

Về xử lý vật chứng:

+ 01 sợi dây thắt lưng màu nâu dài 94cm, bản rộng 02cm (không còn phần đầu dây thắt lưng) do Nam tự nguyện giao nộp. Đề nghị tịch thu tiêu hủy.

+ 01 xe gắn máy hiệu Honda SH, biển số: 50Y1-426.92, số khung: 2514KY008174, số máy: KF26E0092017, qua xác minh xe gắn máy trên do bà T.T.H đứng tên chủ sở hữu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H.M đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho H tiếp tục quản lý, nên không đề nghị Tòa án xem xét.

+ 01 điện thoại di động hiệu iPhone 11 Pro Max. Đây là tài sản của bà T.T.H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H.M đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà H tiếp tục quản lý, nên không đề nghị Tòa án xem xét.

Bị cáo N.Q.N không có ý kiến tranh luận với nội dung truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo đã rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Do bị cáo nghĩ rằng bà H là vợ của bị cáo nên bị cáo có thể dẫn bà H về nhà, bị cáo nghĩ hành vi đó của bị cáo là bình thường nhưng sau khi được Hội đồng xét xử phân tích thì bị cáo đã hiểu rõ hành vi của mình là vi

phạm pháp luật. Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội về chăm sóc gia đình và nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H.M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, qua phân hỏi và tranh tụng công khai, bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ khác đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án.

Từ đó, có đủ cơ sở chứng minh bị cáo N.Q.N đã có hành vi dùng dây thắt lưng là hung khí nguy hiểm đánh vào chân của T.T.H gây thương tích với tỷ lệ 04% vào ngày 14/11/2020 tại nhà địa chỉ: 32/11 ấp T.L, xã B.Đ, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, bà T.T.H rút yêu cầu khởi tố, truy tố, xét xử đối với bị cáo N.Q.N về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M rút một phần quyết định truy tố bị cáo N.Q.N về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 155, Điều 319, khoản 1 Điều 325 Bộ luật Tố tụng hình sự và nội dung hướng dẫn tại Công văn số: 254/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử vụ án đối với bị cáo N.Q.N về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, tại phiên tòa bị cáo N.Q.N thừa nhận đã có hành vi dùng tay đánh vào mặt, khống chế và dùng 02 tay ôm bẻ bà T.T.H lên xe gắn máy để N.S.Đ chở đi về nhà địa chỉ số: 32/11 ấp T.L, xã B.Đ, huyện H.M rồi khóa cửa giữ tại đây đến 12 giờ 00 phút cùng ngày.

Do đó, Bản cáo trạng số: 166/CT-VKS ngày 07/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo N.Q.N về tội

“Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

[2.2] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vì vậy phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi trái pháp luật của mình gây ra. Bị cáo phạm tội do nhận thức pháp luật chưa đúng, bị cáo nghĩ rằng việc ôm, giữ, bắt vợ bị cáo về nhà là không vi phạm pháp luật, tuy nhiên hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tự do cá nhân của công dân được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm theo quy định của pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách pháp luật, không vi phạm các điều mà pháp luật cấm.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại; bị hại tại phiên tòa và quá trình xét xử vụ án có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đồng thời, trong lần phạm tội này do nhận thức pháp luật của bị cáo còn chưa đúng nên bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Như vậy, bị cáo N có nơi cư trú tại địa chỉ: 32/11 ấp T.L, xã B.Đ, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh; có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã nêu ở trên, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong thời gian tại ngoại, bị cáo chấp hành đúng quy định pháp luật, không có hành vi vi phạm hay phạm tội mới. Căn cứ vào Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo N có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết không cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M mà cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ điều kiện để cảm hóa, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội. Để từ đó bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật đối với những người thực sự ăn năn hối cải.

[3] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 sợi dây thắt lưng màu nâu dài 94cm, bản rộng 02cm (không còn phần đầu dây thắt lưng) do không còn có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe gắn máy hiệu Honda SH, biển số: 50Y1-426.92, số khung: 2514KY008174, số máy: KF26E0092017 và 01 điện thoại di động hiệu iPhone 11 Pro Max, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H.M đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà T.T.H, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại đã được bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại về dân sự và không có yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với hành vi của N.S.Đ có dấu hiệu của tội “Bắt người trái pháp luật”, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã xác minh nhân thân lai lịch, tuy nhiên Đ đã bỏ trốn khỏi địa phương. Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm đối với Đ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 155, Điều 319, khoản 1 Điều 325 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đình chỉ xét xử vụ án đối với bị cáo N.Q.N về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo **N.Q.N** phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Xử phạt bị cáo N.Q.N 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 14/3/2022.

Giao bị cáo N.Q.N cho Ủy ban nhân dân xã B.Đ, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo đang cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo N.Q.N cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt với bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

(Bị cáo N.Q.N đã được giải thích về chế định án treo)

3. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 01 sợi dây thắt lưng màu nâu dài 94cm, bản rộng 02cm (không còn phần đầu dây thắt lưng).

Vật chứng của vụ án hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh đang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28 tháng 9 năm 2021. (BL 194)

4. Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí: Buộc bị cáo N.Q.N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt khi tuyên án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Cơ quan điều tra Công an H. Hóc Môn;
- Chi cục Thi hành án DS H. Hóc Môn;
- UBND xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Hồng Hải